

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

❧❧❧
THÁNG 04/2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Tên viết tắt : CÔNG TY CP KHO VẬN TÂN CẢNG
Tên Tiếng Anh: TAN CANG WAREHOUSING JOINT STOCK COMPANY



Logo:

Mã cổ phiếu: TCW
Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM
Điện thoại: (028) 37423929 Fax: (028) 37422014
Email: info.tcw@saigonnewport.com.vn
Website: [www. Tancangwarehousing.com.vn](http://www.Tancangwarehousing.com.vn)
Vốn điều lệ: 149.982.580.000 VND (Một trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm tám mươi hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng)

2. Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Kho Vận Tân Cảng (KVTC) là thành viên của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, được thành lập trên cơ sở sáp nhập 02 xí nghiệp: Kho bãi Tân Cảng và Kho bãi Cát Lái, hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0309532497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4/01/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 06/4/2018.

Công ty ra đời nhằm đáp ứng chiến lược phát triển, mở rộng chuỗi logistic và các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ hậu cần cảng, phù hợp với tiến trình đổi mới của doanh nghiệp Nhà nước và Quân đội. Với chức năng nhiệm vụ chính là nghiên cứu, nắm bắt tình hình thị trường, khách hàng, mở rộng dịch vụ kinh doanh kho, bãi, xếp dỡ và vận tải...

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty tập trung vào các mảng như sau: Dịch vụ Bốc xếp hàng hóa trong kho; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa ở bãi; Dịch vụ lưu kho, Dịch vụ lưu bãi; dịch vụ vận tải hàng container, hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời; đóng gói, kiểm đếm, khai thuê hải quan... khai thác container rỗng, dịch vụ M&R theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tọa lạc trong khuôn viên Cảng Tân Cảng - Cát Lái, trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm: TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai và vùng đồng bằng Sông Cửu Long – vùng kinh tế năng động nhất của cả nước, KVTC đóng góp một phần quan trọng trong chuỗi cung ứng hàng hóa xuất nhập khẩu trong nước và quốc tế.

3.1 Khai thác kho:

Tổng diện tích kho 40.000 m² nằm trong khuôn viên Cảng Cát Lái trong đó

+ *Kho CFS nhập: 18.000 m² tổng sức chứa 12.500 pallet*

+ *Kho CFS xuất: 6.250 m² tổng sức chứa 3.500 pallet*

+ *Kho ngoại quan: 6.250 m² tổng sức chứa 3.500 pallet*

+ *Kho nội địa: 5.400 m²*

+ *Kho CFS được trang bị hệ thống camera hiện đại, quan sát an ninh trong và ngoài kho.*

+ *Phương tiện xếp dỡ: Xe nâng điện trong kho 50 chiếc; xe nâng dầu ngoài kho 50 chiếc.*

3.2 Khai thác bãi:

Tổng diện tích bãi: 61.000 m² (Cảng Tân Cảng – Cát Lái).

+ *Bãi kiểm hóa: 41.000 m²*

+ *Bãi đóng rút: 17.000 m²*

+ *Bãi quá khổ, quá tải: 3.000 m²*

+ *Phương tiện: 12 xe container; 43 xe đầu kéo; 04 cầu RTG 6+1*

3.3 Khai thác Cảng Mở:

Tổng diện tích 12.050 m²

+ *Cung cấp dịch vụ Hàng trung chuyên, Hàng quá cảnh, Rút ruột sang container*

+ *Địa bàn: Trong cảng Tân Cảng - Cát Lái*

3.4 Kinh doanh khai thác Depot

Depot Tân Cảng Suối Tiên:

+ *Diện tích : 60.000 m²*

+ *Trang thiết bị: 04 xe nâng rỗng + 05 đầu kéo*

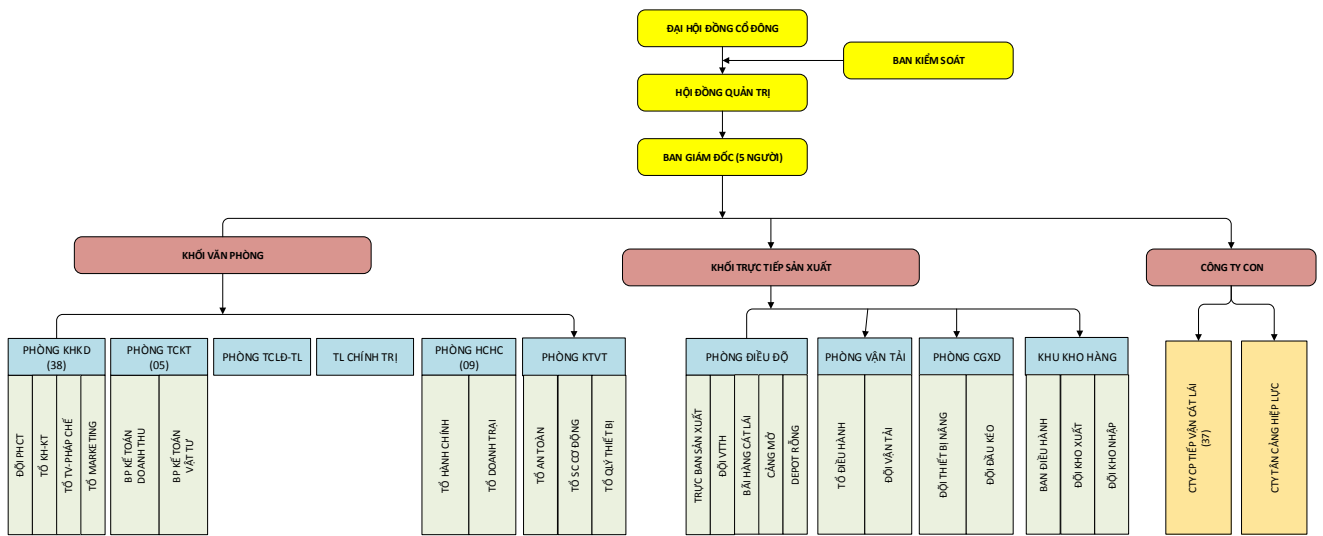
+ *Kinh doanh dịch vụ: Khai thác container rỗng; M&R tiêu chuẩn quốc tế.*

3.5 Dịch vụ vận tải đường bộ:

- + Tổng phương tiện: xe đầu kéo container 63 chiếc; rơ-mooc 86 chiếc; rơ-mooc siêu trường siêu trọng 03 chiếc; máy phát điện 04 chiếc
- + Tuyển vận chuyên: Tp Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



- **Các công ty con, công ty liên kết**

Công ty Cổ Phần Tiếp Vận Cát Lái: Vốn điều lệ 40 tỷ đồng. Trong đó vốn góp của KVTC 23 tỷ đồng chiếm 57,5 % vốn điều lệ. Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Vận chuyên hàng hóa bằng xe container và xe tải nhẹ. Thủ tục Hải quan, giao nhận, kiểm đếm, bốc xếp hàng hóa.

Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực: Vốn điều lệ 03 tỷ đồng. Trong đó vốn góp của công ty CP Kho Vận Tân Cảng là 1,08 tỷ đồng chiếm 36% vốn điều lệ. Ngành nghề SXKD: Bốc xếp, lưu kho, lưu bãi hàng hóa, dịch vụ vận tải.

5. Định hướng phát triển.

5.1 Mục tiêu chiến lược chủ yếu của công ty

Trong định hướng chiến lược phát triển, Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng phân đầu trở thành nhà cung cấp chuỗi các dịch vụ trọn gói hiện đại và chuyên nghiệp dựa trên hệ thống quản lý khai thác cảng tiên tiến TOP-X (Terminal Operational Package - X windows), TOPO-VN, phần mềm quản lý kho WMSVN. Với Slogan “*Dịch vụ chuyên nghiệp, chất lượng hàng đầu*”, Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng luôn nỗ lực hoàn thiện mình, đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của khách hàng với lòng tận tụy và năng lực không ngừng

được nâng cao, cam kết mang đến cho khách hàng sự lựa chọn dịch vụ tốt nhất và mối quan hệ hợp tác, gắn bó lâu dài.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Phát triển sản xuất kinh doanh trên cơ sở định hướng chung của Tổng công ty “ Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng đầu tư, kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững”, tập trung đẩy mạnh khai thác 3 trụ cột chính của công ty: Kho, bãi, vận tải; ứng dụng CNTT vào quản trị, điều hành; tăng cường xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; cải cách hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ, tiếp tục khai thác hiệu quả kho, bãi hàng trong Cảng Cát Lái, đẩy nhanh các dự án mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh các ngành kho, bãi ra ngoài Cảng Cát Lái, phát huy tính tự chủ, khả năng cạnh tranh theo hướng linh hoạt, thống nhất.

5.3 Các mục tiêu phát triển bền vững

- Đối với môi trường:

Công ty tuân thủ chính sách môi trường của Nhà nước nơi công ty hoạt động, các phương tiện vận chuyển của Công ty được đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng theo quy định và đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Công ty cam kết giảm thiểu các tác động của môi trường do các hoạt động sản xuất kinh doanh với mục đích ngăn ngừa ô nhiễm, tuân thủ pháp luật, các yêu cầu khác và cố gắng nỗ lực cho các hoạt động cải thiện môi trường cho Công ty và cộng đồng.

- Đối với xã hội, cộng đồng:

Công ty tổ chức nhiều hoạt động xã hội ý nghĩa để thể hiện sự gắn kết với địa phương, tấm lòng tương thân tương ái. Các chương trình thăm hỏi tặng quà các gia đình thương binh liệt sĩ nhân ngày 27/7, phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh hùng, đóng góp quỹ vì người nghèo....

6. Quản trị rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh, các yếu tố rủi ro luôn tồn tại, có thể gây ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của công ty. Chính vì vậy, công ty đã xác định danh sách các rủi ro trọng yếu và thường xuyên cập nhật, bổ sung thêm danh sách các rủi ro của đơn vị để có biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả.

Các rủi ro	Biện pháp quản lý rủi ro
Rủi ro cạnh tranh	<p>- Hoạt động trong lĩnh vực logistics, công ty tất yếu phải gặp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các công ty lớn có tên tuổi như Gemadept, Sotrans, ICD Transimex, ICD Phước Long... và các công ty, tập đoàn nước ngoài. Để giảm thiểu rủi ro, công ty đã và đang thực hiện:</p> <p>+ Giữ mối quan hệ tốt và liên lạc thường xuyên với khách hàng để kịp thời cập nhật những thay đổi, nhu cầu của khách</p>

	<p>hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xem xét mặt bằng giá cả thị trường để có mức điều chỉnh tăng/ giảm giá phù hợp trong từng giai đoạn; + Liên tục cải tiến quy trình và đưa ra giải pháp dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
<p>Những thay đổi về quy định, chính sách từ cơ quan quản lý Nhà nước.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Là Công ty cổ phần đại chúng và tham gia vào thị trường chứng khoán, do đó, mọi hoạt động của Công ty sẽ chịu sự chi phối của nhiều văn bản, quy phạm pháp luật như: Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán và một số bộ luật khác có liên quan như Luật đầu tư, Luật thuế thu nhập,... - Từ việc Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 cho đến việc sửa đổi và ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý ngoại thương, thủ tục hải quan và kiểm tra chuyên ngành. Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành tại Quyết định 200/ QĐ-TTg ngày 14/2/2017. Cùng với Quyết định 200, còn có thể kể đến một số văn bản pháp luật quan trọng khác được thông qua, ban hành có điều chỉnh đến ngành logistics như: Luật Quản lý ngoại thương đã được Quốc hội thông qua năm 2017, chính thức có hiệu lực từ 01/01/2018, gồm 8 Chương 113 Điều quy định về biện pháp quản lý ngoại thương, phát triển hoạt động ngoại thương; Nghị định 163/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành quy định về kinh doanh dịch vụ logistics... - Do quá trình hội nhập và cải cách nền kinh tế, nên khung pháp lý của Việt Nam hiện đang có nhiều thay đổi để hoàn thiện, chuẩn hóa nhằm giám sát hoạt động của các doanh nghiệp. Vậy nên, bất cứ thay đổi nào của hệ thống pháp lý đều tác động đến quá trình quản trị hoạt động, điều hành sản xuất của Công ty. Ban lãnh đạo luôn cập nhật, tuân thủ các quy định mới nhất về pháp luật có ảnh hưởng đến Công ty nhằm đảm bảo tính hiệu quả, kịp thời trong công tác quản trị cũng như sản xuất kinh doanh.
<p>Về môi trường (thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, ...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật kịp thời các thay đổi về môi trường, khí hậu, thời tiết để lập phương án ứng phó; - Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, PCCC, hệ thống điện, nước, ...; việc tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn lao động; - Tuân thủ nghiêm mọi quy định về Phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường; thường xuyên phối hợp với các cơ quan, ban ngành xây dựng kế hoạch Phòng chống cháy nổ và bảo vệ

	<p>môi trường đồng thời tổ chức diễn tập định kỳ các tình huống giả định;</p> <p>- Ký hợp đồng các sản phẩm bảo hiểm phù hợp.</p>
Thay đổi tỷ giá, lãi suất.	<p>- Cập nhật thường xuyên và kịp thời chính sách, quy định mới;</p> <p>- Lập phương án dự phòng về thay đổi tỷ giá ngoại tệ, lãi suất;</p> <p>- Cử nhân sự tham gia các khóa đào tạo về chính sách, nghiệp vụ, dòng tiền.</p>
Thu hồi công nợ, đảm bảo dòng tiền	<p>- Nhanh chóng hoàn thành hồ sơ bộ chứng từ thanh toán nhằm đẩy nhanh tiến độ lập hóa đơn thu tiền khách hàng;</p> <p>- Theo dõi, cập nhật tình hình công nợ thường xuyên để kịp thời nhắc nhở khách hàng chi trả các khoản đến hạn;</p> <p>- Quy định chặt chẽ, cụ thể với nhà cung cấp về thời hạn thanh toán sau khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán; Lập kế hoạch thu, chi phù hợp để luôn chủ động dòng tiền.</p>

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Thực hiện 2018	% so tăng giảm
I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD	686.897	667.960	97,24
1. Doanh thu bán hàng	679.417	659.418	97,06
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.117	6.645	108,63
3. Thu nhập khác	1.312	1.429	108,92
4. Phần lỗ, lãi trong cty liên kết	51	468	
II. Tổng chi phí	607.301	591.172	97,34
1. Giá vốn hàng bán	539.185	528.232	97,97
2. Chi phí tài chính	17.179	13.474	78,43
3. Chi phí bán hàng	6.502	5.130	78,90
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	42.987	42.381	98,59
5. Chi phí khác	1.448	1.955	135,01
III. Tổng lợi nhuận trước thuế	79.596	76.788	96,47
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.464	16.455	99,95
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	366	(216,71)	
IV. Tổng lợi nhuận sau thuế	62.766	60.549	96,47
V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	3.223	3.190	98,98

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Nội dung	ĐVT	2018	2017
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	53,19% 46,81%	57,20% 42,80%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44,16% 55,84%	52,40% 47,60%
3	Khả năng thanh toán	lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		2,00	1,59
	- Khả năng thanh toán hiện hành		2,09	1,60
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ		9,41%	9,29%
	- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)		9,18%	9,24%
	- Tỷ suất LNST/Vốn CSH BQ (ROE)		18,27%	20,18%

2. Tổ chức và nhân sự

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
I	Hội đồng quản trị			
1	Phùng Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	49.211	0,328%
2	Trần Quang Thảo	TV HĐQT(Giám đốc)	2.633	0,018%
3	Trịnh Văn Mọi	TV HĐQT	19.237	0,128%
4	Đoàn Phi	TV HĐQT	1.869	0,012%
5	Nguyễn Năng Toàn	TV HĐQT	10.745	0,072%
II	Ban Kiểm soát			
1	Mai Thị Trâm	Trưởng Ban kiểm soát	9.076	0,060%
2	Ngô Đa Nghiêm Minh	KSV	0	0
3	Trần Hồng Diễm	KSV	1.508	0,010%
III	Ban Giám đốc			
1	Võ Thị Xuân Lan	Phó Giám đốc	5.044	0,033%

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
2	Nguyễn Thành Nhân	Phó Giám đốc	0	0
3	Nguyễn Duy Thanh	Phó Giám đốc	2.246	0,015%
IV	Kế toán trưởng			
1	Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	4.242	0,028%

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2018) là 462 người, trong đó cơ cấu lao động có tay nghề theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	462	100%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	156	33,75%
2	Trình độ trung cấp	51	11,03%
3	Trình độ sơ cấp chứng chỉ	255	55,20%
II	Theo loại hợp đồng lao động	462	100%
1	Lao động trực tiếp	283	61,25%
2	Lao động gián tiếp	179	38,75%

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định về số lượng, tốt về chất lượng; phân công công việc phù hợp với năng lực, trình độ mỗi người; thường xuyên rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng một cách hợp lý.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Năm 2018 công ty đã đầu tư tổng cộng 6.376 triệu đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản là 3.932 triệu đồng; đầu tư mua sắm TTB Công nghệ 2.444 triệu đồng.

- Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

Công ty con, liên doanh liên kết	Giá trị đầu tư (đồng)	Tỷ lệ năm giữ	Tăng giảm trong năm
Cty CP Tiếp Vận Cát Lái	23.000.000.000	57,5%	0
Cty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực	1.080.000.000	36%	0
Tổng	24.080.000.000		0

- **Công ty CP Tiếp Vận Cát Lái**

Doanh thu, thu nhập thuần 2018: 126,83 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 6,52 tỷ đồng; EPS ; 1.417 đồng/CP.

- **Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực**

Doanh thu, thu nhập thuần 2018: 35,21 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt: 2,56 tỷ đồng.

4. Cơ cấu cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông tại ngày 5/6/2018

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
				(nghìn đồng)	
I	Cổ đông trong nước	2110	14.906.058	149.060.580.000	99.39%
	Cổ đông tổ chức	02	8.911.000	89.110.000.000	59,42%
	Cổ đông cá nhân	2108	5.995.058	59.950.580.000	39,97%
II	Cổ đông nước ngoài	02	92.200	922.000.000	0,61%
	Cổ đông tổ chức	01	84.200	842.000.000	0,56%
	Cổ đông cá nhân	01	8.000	80.000.000	0,05%
III	TỔNG CỘNG	2112	14.998.258	149.982.580.000	100,00%

b. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	8.850.000	59,01%

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có**

d. **Các chứng khoán khác: Không có**

e. **Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác Kho bãi; khai thác Depot và xếp dỡ container cho nên chủ yếu sử dụng yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ và lưu giữ hàng hóa.

Công ty ban hành đầy đủ các quy trình liên quan đến khai thác kho bãi; khai thác Depot và quy trình vận hành các trang thiết bị đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành, cho nên hoạt động của công ty tác động đến môi trường và xã hội là không đáng kể.

6. Báo cáo phát triển bền vững:

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Để vận hành các thiết bị chuyên dùng trong quy trình khai thác tại cảng, Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty.

6.2 Bảo vệ môi trường:

Xử lý các loại chất thải phát sinh: Toàn bộ các khí thải phát sinh của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh từ nguồn phương tiện vận chuyển, các phương tiện vận chuyển của Công ty được Đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng theo quy định và đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Nước thải và chất thải tại Công ty chỉ là chất thải sinh hoạt thông thường và được thu gom từ Công ty vệ sinh môi trường.

Công ty tuân thủ chính sách môi trường của Nhà nước nơi Công ty hoạt động, cam kết giảm thiểu các tác động môi trường do các hoạt động của Công ty với mục đích ngăn ngừa ô nhiễm, tuân thủ pháp luật, các yêu cầu khác và cố gắng nỗ lực cho các hoạt động cải thiện môi trường trong công ty và cho toàn cộng đồng.

6.3 Chính sách liên quan đến người lao động:

Các chế độ liên quan đến người lao động được Công ty thực hiện nghiêm túc và công bằng. Công việc được đảm bảo ổn định, liên tục với điều kiện lao động sản xuất ngày càng được hoàn thiện. Môi trường làm việc ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi để họ được làm việc, được cống hiến và xứng đáng hưởng thành quả từ sức lao động của mình. Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ, quy định về bảo hộ lao động theo quy định của Pháp luật.

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tất cả đều đạt tiêu chuẩn sức khỏe để làm việc.

6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Ngoài việc tuân thủ các quy định Pháp luật, các hoạt động từ thiện xã hội, Công ty luôn xem việc ủng hộ, đóng góp cho địa phương như một trách nhiệm. Hàng năm Công ty đã đóng góp các khoản quỹ: Vì người nghèo, phòng chống

thiên tai. Ngoài ra hàng năm Công ty còn tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi các gia đình thương binh liệt sĩ nhân ngày 27/7; phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh hùng, xây nhà tình nghĩa nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của công ty và CBCNV công ty với xã hội và cộng đồng..

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2018 công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Tổng Doanh thu đạt 666.984 triệu đồng đạt 95,3% so với kế hoạch cả năm 2018 và đạt 97,1 % so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 59.750 triệu đồng đạt 92,4% so với kế hoạch cả năm và 95,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm 2018 không có thay đổi lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận; Chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của công ty.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững thị phần; Hoàn thành đề án hiện đại hóa thủ tục giao nhận và kết nối hệ thống quản lý Hải quan tự động với Kho CFS và Kho ngoại quan, giúp các doanh nghiệp giảm thời gian làm thủ tục tại Cảng; Tăng cường kết nối sử dụng OTM và các ứng dụng công nghệ cung cấp dịch vụ Logistics cho khách hàng, thu hút thêm khách hàng sử dụng dịch vụ kho, bãi và Depot. Công tác triển khai thực hiện, mở rộng dự án Kho và Depot có nhiều triển vọng tốt, làm cơ sở để Công ty phát triển ổn định trong các năm tiếp theo. Thực hiện đa dạng hóa bằng việc triển khai đưa vào khai thác Kho ngoại quan, Kho nội địa;

Các dịch vụ vận tải hàng lẻ, khai thuê hải quan, bốc xếp kho, forwarder, ... do công ty CP Tiếp vận Cát Lái thực hiện và dịch vụ đóng rútt tại bãi do công ty TNHH Tân cảng - Hiệp Lực đảm nhiệm khai thác có chuyển biến tích cực.

2. Tình hình tài chính năm 2018.

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2017	Tỷ trọng (%)	2018	Tỷ trọng	% tăng/giảm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	289.693	42,80	285.475	46,81	4,01
Tiền và các khoản tương đương tiền	153.575	22,69	142.552	23,37	0,68
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	
Các khoản phải thu ngắn hạn	127.304	18,80	130.234	21,35	2,55

Chỉ tiêu	2017	Tỷ trọng (%)	2018	Tỷ trọng	% tăng/giảm
Hàng tồn kho	3.264	0,42	2.558	0,42	0
Tài sản ngắn hạn khác	5.550	0,81	10.131	1,66	0,85
TÀI SẢN DÀI HẠN	387.140	57,20	324.365	53,18	-4,02
Các khoản phải thu dài hạn	670	0,09	874	0,14	0,05
Tài sản cố định	370.191	54,69	311.832	51,13	-3,56
Tài sản dở dang dài hạn	3.654	0,53	2.828	0,46	-0,07
Đầu tư tài chính dài hạn	1.968	0,29	2.104	0,34	0,05
Tài sản dài hạn khác	10.627	1,57	6.727	1,10	-0,47
TỔNG TÀI SẢN	676.833	100	609.840	100	

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	2017	Tỷ trọng	2018	Tỷ trọng	% tăng/giảm
I. Nợ ngắn hạn	180.423	50,87	136.597	50,72	-0,15
Phải trả người bán ngắn hạn	67.007	18,89	40.368	14,99	-3,90
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	131	0,04	-		-0,04
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.332	2,35	7.974	2,96	0,61
Phải trả người lao động	30.497	8,60	27.472	10,20	1,60
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.669	1,32	5.489	2,04	0,72
Phải trả ngắn hạn khác	9.603	2,71	11.167	4,15	1,44
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	50.270	14,17	36.953	13,72	-0,45
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.911	2,79	7.171	2,66	-0,13
II. Nợ dài hạn	174.244	49,13	132.726	49,28	0,15
Phải trả dài hạn khác	8.643	2,44	8.644	3,21	0,77
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	165.599	46,69	124.082	46,07	-0,62
Tổng nợ	354.667	100	269.323	100	

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tập trung đẩy mạnh khai thác 3 trụ cột chính của Cty: Kho, Bãi, vận tải; ứng dụng triệt để CNTT vào quản trị, điều hành; tăng cường xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiếp

tục khai thác hiệu quả kho, bãi hàng trong Cảng Cát Lái, đẩy nhanh các dự án mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh các ngành kho, bãi ra ngoài Cảng Cát Lái phát huy tính tự chủ, khả năng cạnh tranh theo hướng linh hoạt thống nhất, minh bạch:

Tiếp tục xây dựng, đào tạo phát triển đội ngũ Sale – MKT, đội ngũ kinh doanh đam mê kinh doanh, tâm huyết, gắn bó với Công ty; tăng cường xây dựng mối quan hệ bền vững, nắm bắt, chăm sóc, khách hàng, phân tích, đánh giá thị trường, kịp thời đề xuất các giải pháp về sản xuất, chính sách.

Tăng cường công tác quản trị đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư mới mở rộng sản xuất ra ngoài Cảng Cát Lái, kết nối với chuỗi hệ thống dịch vụ Logistics của TCT (DA 3.2 ha Phú Hữu, Cảng Thủy Nội địa – Khu Công nghệ cao Quận 9). Đẩy nhanh tiến độ thủ tục đầu tư CSHT, xây mới kho CFS Cát Lái giai đoạn 2; Nâng cấp, chuyển đổi 02 line N27 – N28 thành line Cầu RTG 6+1 để khai thác container sau kiểm hóa, máy soi, xuất/nhập tàu, mở rộng khu vực kiểm hóa tập trung; Đầu tư mua sắm TTB, phương tiện, xếp dỡ, ứng dụng CNTT phục vụ nâng cao CLDV, tăng năng suất lao động.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Công ty không gia công sản phẩm trực tiếp, không có khí thải hoặc nước thải công nghiệp. Khí thải do các phương tiện cơ giới hoạt động xả ra môi trường đảm bảo tiêu chuẩn cho phép của Việt Nam (tương đương EURO 3 trở lên).

Khu vực kho hàng đã được đầu tư hệ thống PCCC tự động Sprinkler.

Rác thải, nước thải công nghiệp: thu gom, xử lý đúng quy định, quy trình chung trong hệ thống toàn Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động năm 2018

Tình hình TCBC, nhân sự của công ty trong năm 2018 ổn định, không có nhiều thay đổi. Trong năm 2018 thực hiện TCBC theo phê duyệt của Tổng công ty vẫn giữ nguyên quân số theo kế hoạch, năng suất lao động thực hiện tăng hơn kế hoạch dẫn đến thu nhập bình quân tăng so với kế hoạch và cơ bản được đảm bảo so với mặt bằng chung của TCT, người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài với công ty.

Chất lượng lao động của công ty hiện nay đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện tại. Các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ cho người lao động cũng được công ty chú trọng quan tâm nhằm động viên tinh thần làm việc và cũng là động lực để

giữ chân người lao động, đặc biệt là những lao động giỏi.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xoá đói giảm nghèo, xây nhà tình nghĩa với cộng đồng địa phương tại các địa bàn hoạt động của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2018 công ty cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Tổng Doanh thu đạt 666.984 triệu đồng đạt 95,3% so với kế hoạch cả năm 2018 và đạt 97,1 % so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 59.750 triệu đồng đạt 92,4% so với kế hoạch cả năm và 95,5% so với cùng kỳ năm trước.

Đề đạt được những thành tích như trên là nhờ những chính sách quản lý và điều hành phù hợp của ban lãnh đạo công ty, cùng với sự nỗ lực không ngừng của toàn bộ CBCNV trong công ty.

Quy trình khai thác được phổ biến rộng rãi không chỉ trong nội bộ công ty mà còn được công bố rộng rãi đến khách hàng, tạo thuận lợi cho khách hàng sử dụng dịch vụ.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc.

Trong năm 2018, BGD đã tổ chức triển khai thực hiện tốt nghị quyết của ĐHĐCĐ, NQ của HĐQT. BGD định kỳ mỗi quý báo cáo đánh giá sát thực tế tình hình kết quả sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch, giải pháp cho quý sau để bc HĐQT.

Trong năm 2018, BGD đã có nhiều giải pháp tốt để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty; kịp thời ban hành các quy trình, quy định, lonh hoạt trong điều hành, quy hoạch bãi, đưa xe nâng thang vào hoạt động đã làm giảm sản lượng đảo chuyển nhằm nâng cao CLDV và khai thác bãi hiệu quả hơn.

Công tác đầu tư mua sắm được quản lý chặt chẽ và thực hiện đúng quy định của Pháp luật, của Điều lệ công ty. Qua các đợt thanh tra, kiểm toán đơn vị được đánh giá hoạt động hiệu quả, nền tài chính lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn.

3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT

Tập trung đẩy mạnh khai thác 3 trụ cột chính của Cty: Kho, Bãi, vận tải; ứng dụng triệt để CNTT vào quản trị, điều hành; tăng cường xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao; cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ, tiếp tục khai thác hiệu quả kho, bãi hàng trong Cảng Cát Lái, đẩy nhanh các dự án mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh các ngành kho, bãi ra ngoài Cảng Cát Lái

phát huy tính tự chủ, khả năng cạnh tranh theo hướng linh hoạt thống nhất, minh bạch:

Tiếp tục xây dựng, đào tạo phát triển đội ngũ Sale – MKT, đội ngũ kinh doanh đam mê kinh doanh, tâm huyết, gắn bó với Công ty; tăng cường xây dựng mối quan hệ bền vững, nắm bắt, chăm sóc, khách hàng, phân tích, đánh giá thị trường, kịp thời đề xuất các giải pháp về sản xuất, chính sách.

Tăng cường công tác quản trị đầu tư, đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư mới mở rộng sản xuất ra ngoài Cảng Cát Lái, kết nối với chuỗi hệ thống dịch vụ Logistics của TCT (DA 3.2 ha Phú Hữu, Cảng Thủy Nội địa – Khu Công nghệ cao Quận 9). Đẩy nhanh tiến độ thủ tục đầu tư CSHT, xây mới kho CFS Cát lái giai đoạn 2; Nâng cấp, chuyển đổi 02 line N27 – N28 thành line Cầu RTG 6+1 để khai thác container sau kiểm hóa, máy soi, xuất/nhập tàu, mở rộng khu vực kiểm hóa tập trung; Đầu tư mua sắm TTB, phương tiện, xếp dỡ, ứng dụng CNTT phục vụ nâng cao CLDV, tăng năng suất lao động.

Ứng dụng thành tựu công nghệ 4.0 vào quản trị doanh nghiệp và gia tăng tiện ích cho khách hàng khi đến nhận hàng tại Kho, Bãi.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a. Danh sách thành viên HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phùng Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	49.211	0,328%
2	Ông Trần Quang Thảo	Thành viên	2.633	0,018%
3	Ông Nguyễn Năng Toàn	Thành viên	10.745	0,072%
4	Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	19.237	0,128%
5	Ông Đoàn Phi	Thành viên	1.869	0,012%

b. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng điều lệ, luật doanh nghiệp: HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp, duy trì họp thường kỳ mỗi quý một lần, đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế của công ty. Hội đồng quản trị đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế sản xuất của doanh nghiệp để đề ra các Nghị quyết sát đúng, hiệu quả, đã nghe ban quản lý điều

hành báo cáo tình hình hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các chủ trương định hướng đồng thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Ban điều hành.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 05 nghị quyết, cụ thể:

TT	Số nghị quyết	Ngày họp	Nội dung cuộc họp
1	Nghị quyết hội đồng quản trị phiên thứ 18	28/3/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua KQSXKD, đầu tư năm 2017; kế hoạch 2018 - Thông qua các ND đại hội cổ đông thường niên năm 2018 - Thông qua KQSXKD quý 1/2018, dự kiến quý 2/2018; 06 tháng đầu năm 2018 - Thông qua quyết định miễn nhiệm Giám đốc, Bổ nhiệm giám đốc và PGĐ Công ty
2	Nghị quyết hội đồng quản trị phiên thứ 19	16/5/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2017
3	Nghị quyết hội đồng quản trị phiên thứ 20	29/6/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc miễn nhiệm PGĐ Công ty
4	Nghị quyết hội đồng quản trị phiên thứ 21	30/8/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua KQSXKD 06 tháng đầu năm 2018, dự kiến 06 tháng cuối năm 2018. - Điều chỉnh dự án kho CFS Cát Lái. - Miễn nhiệm, bổ nhiệm KTT - Bổ nhiệm PGĐ Công ty.
5	Nghị quyết hội đồng quản trị phiên thứ 22	28/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương đầu tư dự án 1,6ha KCN Cát Lái. - Bổ nhiệm PGĐ Công ty.

2. Danh sách Ban kiểm soát:

a. Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Thị Trâm	Trưởng Ban	9.076	0,060%
2	Ngô Đa Nghiêm Minh	KSV	0	0
3	Trần Hồng Diễm	KSV	1.508	0,010%

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm 2018, Căn cứ quyền hạn, trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện triển khai các công việc chủ yếu như sau:

– Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư, kiểm tra thực hiện chế độ chính sách cho người lao động của công ty.

– Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; Giám sát việc tuân thủ Điều lệ công ty, Pháp luật Nhà nước và các Quy chế nội bộ của công ty.

– Tham gia ý kiến sửa đổi điều lệ công ty, rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh.

– Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

– Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm. Xem xét tính hợp lý của các quy định và quy trình luân chuyển chứng từ kế toán.

– Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (bao gồm : Nghĩa vụ thuế, Bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác).

– Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin và chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến các TV. HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.

3. Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký công ty năm 2018.

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
I	Hội đồng quản trị	05			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
III	Thư ký công ty	01	2.500.000	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG					486.000.000

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

Nơi nhận:

- UBCKNN (CBTT)
- HĐQT-BKS-BGD
- Lưu KHKD, H12



Trần Quang Thảo